

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

a. Giới thiệu về nhiệm vụ:

- Tên dự toán/nhiệm vụ: Mua sắm trang thiết bị phục vụ triển khai phần mềm QLVB, điều hành trong CAND và sửa chữa hệ thống mạng nội bộ, anten bộ đàm của Cục Cảnh sát giao thông

- Đơn vị chủ đầu tư: Cục Cảnh sát giao thông

- Địa điểm cung cấp: các trụ sở đơn vị trực thuộc Cục Cảnh sát giao thông bao gồm: Số 112 Lê Duẩn, phường Văn Miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội và Số 39 Đặng Vũ Hỷ, phường Việt Hưng, Hà Nội

- Phạm vi cung cấp gói thầu:

| STT | Nội dung hạng mục | Đơn vị | Số lượng |
|-----|---|--------|----------|
| | Danh mục thiết bị | | |
| 1 | Máy tính để bàn | Bộ | 51 |
| 2 | Máy in | Chiếc | 51 |
| 3 | Máy in khổ A3 | Chiếc | 2 |
| 4 | Máy scan | Chiếc | 51 |
| 5 | Bộ bàn ghế | Bộ | 8 |
| 6 | Thiết bị chuyên mạch trung tâm | Chiếc | 1 |
| 7 | Switch thay thế các tầng loại 24 cổng | Cái | 10 |
| 8 | Switch cho mạng loại 16 cổng (Loại 1) | Cái | 20 |
| 9 | Switch cho mạng loại 16 cổng (Loại 2) | Chiếc | 4 |
| 10 | Switch POE loại 16 cổng | Cái | 6 |
| 11 | Switch cho mạng loại 8 cổng | Cái | 8 |
| | Vật tư phụ kiện | | |
| 12 | Dây mạng cat6 | Cuộn | 29 |
| 13 | Patch panel 24 cổng | Bộ | 12 |
| 14 | Module quang | Chiếc | 12 |
| 15 | Hộp đầu mạng cat6 | Hộp | 4 |
| 16 | Dây nhảy mạng 3m cat6 | Cái | 255 |
| 17 | Dây nhảy mạng 1,5m cat6 | Cái | 171 |
| 18 | Wallplace RJ45 đôi (2 nhân cat6, mặt đôi) gắn tường | Bộ | 87 |
| 19 | Wallplace RJ45 đơn (1 nhân cat6, mặt | Bộ | 81 |

| | câu | yêu cầu | của hàng hóa dự thầu | | | | lãnh thổ) | | lệ hàng hóa chào |
|-----|-------------------|---------|-------------------------|-----|-----|-----|-----------|-----|---------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| 1 | Hàng hóa thứ 1 | | | | | | | | |
| 2 | Hàng hóa thứ 2 | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | |
| n | Hàng hóa thứ n | | | | | | | | ... |

Ghi chú:

- Các trường thông tin Nhà thầu đề xuất tin tại các cột (2),(4),(5),(6),(7),(8) và (9) thuộc Mẫu này phải đảm bảo tính thống nhất với các trường thông tin mà Nhà thầu kê khai tương ứng tại Mẫu số 10B Chương IV, E-HSMT

- Cột (2), (3): Nhà thầu tự điền tại Mẫu này và đảm bảo đúng với thông tin Danh mục hàng hóa quy định tại Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa thuộc Chương IV, E-HSMT và dẫn chiếu đến nội dung cấu hình, thông số, tính năng kỹ thuật của hàng hóa tương ứng quy định tại Mục 1.2.2 Chương V, E-HSMT.

- Cột (4): Nhà thầu tự điền tại Mẫu này và phải đính kèm các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ hàng hóa chào theo yêu cầu quy định tại Cột (10) thuộc Mẫu này. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể chi tiết tại cột này và đáp ứng tối thiểu theo yêu cầu quy định tại Cột (3) thuộc Mẫu này hoặc Ví dụ nhà thầu tự điền tại Cột (4) trong Mẫu này: Cấu hình, thông số, tính năng kỹ thuật của hàng hóa dự thầu: “theo đề xuất kỹ thuật” thì E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là Không Đạt về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ.

- Cột (10): Nhà thầu tự điền tại Mẫu này và phải đính kèm tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ hàng hóa chào là một trong các tài liệu có thể là: “hồ sơ, catalog sản phẩm, datasheet sản phẩm, hình ảnh sản phẩm, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa” có xác nhận của Nhà sản xuất hoặc Hãng tích hợp hoặc đại lý được ủy quyền hoặc Trường hợp tài liệu không phải do Nhà sản xuất/Hãng tích hợp phát hành thì phải có đầy đủ nội dung chứng minh cấu hình, thông số, tính năng kỹ thuật của hàng hóa dự thầu mà nhà thầu đã đề xuất tại Cột (4) thuộc Mẫu này và kèm theo đường dẫn Website (nếu có) về việc công bố sản phẩm chính thống từ nhà sản xuất hoặc Hãng tích hợp hoặc đại lý được ủy quyền hoặc từ Nhà thầu (không bắt buộc đối với vật tư, phụ kiện lắp đặt kèm theo hàng hóa chính) qua đó chứng minh sự đáp ứng tối thiểu cấu hình, thông số, tính năng kỹ thuật yêu cầu tại Mục 1.2.2 Chương V, E-HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V, E-HSMT.

- Cột (5), (6), (7), (8) (9): Nhà thầu tự điền tại Mẫu này. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá và được đánh giá là Không Đạt về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ.

Ví dụ: nhà thầu kê khai trong Mẫu này Ký mã hiệu: “theo đề xuất kỹ thuật”; nhãn hiệu: “theo E-HSDT”, xuất xứ: “theo đề xuất kỹ thuật”... thì E-HSDT của nhà thầu

không được xem xét, đánh giá.

Trường hợp hàng hóa không có ký mã hiệu thì nhà thầu ghi “không có” vào cột số (5). Trường hợp hàng sản xuất có ký mã hiệu nhưng nhà thầu ghi “không có” thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

1.2.2. Yêu cầu thông số kỹ thuật hàng hóa:

- Thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật tổng quát và các tiêu chuẩn tối thiểu sau đây:

| STT | Nội dung | Tính năng, thông số kỹ thuật hàng hóa |
|--------------------------|-----------------|--|
| Danh mục thiết bị | | |
| 1 | Máy tính để bàn | <p>(1). Máy tính để bàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạng máy: SLIM/SFF, nhỏ gọn - Vi xử lý: Intel® Core™ i5-14500 vPro® (14 cores, up to 5.0GHz). - Chipset: Intel Q670 - Hệ điều hành: Windows 11 Home, Single Language. - Đồ họa: Integrated graphic. - Bộ nhớ trong: 16GB DDR5, hỗ trợ nâng cấp lên đến 64GB - Cổng kết nối: + Mặt trước: 2 USB 2.0 (480 Mbps); 1 USB 3.2 Gen 1 (5 Gbps) Type-C; 1 USB 3.2 Gen 1 (5 Gbps); 1 audio jack + Mặt sau: 2 USB 2.0 (480 Mbps); 2 USB 3.2 Gen 1 (5 Gbps); 1 DisplayPort™ 1.4a port; 1 HDMI 2.1 port; 1 RJ45 (1GbE) Ethernet port + Khe cắm: 1 M.2 2230 slot for WiFi and Bluetooth combo card; 1 M.2 2230/2280 slot for solid-state drive; 1 PCIe x16 slot; 2 PCIe x1 slots - Âm thanh: Realtek ALC3204 - Ổ cứng: 256GB SSD. - Nguồn: 180W Bronze - Bảo mật (chính hãng máy tính (cài sẵn hoặc hỗ trợ tải về): Hỗ trợ cơ chế xác thực BIOS với cơ sở dữ liệu tại nhà sản xuất (trên server/lab) ít nhất 24h 1 lần. - Có thể cập nhật BIOS qua mạng từ trong BIOS hoặc từ menu khởi động mà không qua hệ điều hành hay USB. - Hỗ trợ chống tấn công DMA các chế độ Pre-boot, OS Kernel - Chuột bàn phím USB - Hỗ trợ chế độ thay thế linh kiện cho máy tính tại nơi sử dụng phạm vi toàn quốc <p>(2) Màn hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước 27". - PANEL: In-Plane Switching (IPS). - Độ phân giải: 1920 x 1080 up to 100 Hz. |

| | | |
|---|---------------|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Độ sáng: 250 cd/m². - Độ phân giải: 1000:1 (typical). - Tiêu chuẩn bảo vệ mắt: TÜV EYECOMFORT 3 star. - Cổng kết nối: HDMI, VGA. - Tiêu chuẩn: ENERGY STAR 8.0, RoHS |
| 2 | Máy in | <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình hiển thị LCD 2 dòng. - Tốc độ in 1 mặt: 40 trang/ phút khổ A4 và 42 trang/ phút khổ Letter. - Tốc độ in 2 mặt: 31 trang/ phút khổ A4 và 33 trang/ phút khổ Letter. - Khổ giấy tối đa: A4/Letter. In 2 mặt tự động (Duplex). - Độ phân giải: 600 x 600 dpi, 1200 x 1200 dpi. - Ngôn ngữ in: HP PCL 6, HP PCL 5c, HP postscript level 3 emulation, PDF, URF, PWG Raster. - In ấn từ điện thoại di động với các ứng dụng Apple AirPrint™; HP ePrint; HP Smart App; Mobile Apps; Mopria™ Certified. - Bộ nhớ: 256 MB. Bộ xử lý CPU: 1200 MHz. - Thời gian in bản đầu tiên: xấp xỉ 6.3 giây. - khay giấy tự động: 250 tờ. - khay đa năng: 100 tờ. - khay giấy ra: 150 tờ. - Hỗ trợ HĐH: Windows 11/10/8.1/8/7(32-bit/64-bit), Windows Server 2008/2012/2016(64-bit), Mobile OS: iOS, Android™, Mac OS: Sierra v10.12, High Sierra v10.13, Mojave v10.14. - Cổng kết nối: Hi-Speed USB 2.0, Built-in 10/100/1000Base-TX Ethernet (RJ45). - Sử dụng hộp mực HP 151A(W1510A) dung lượng trang in xấp xỉ 3.050 trang với độ phủ mực tiêu chuẩn. - Công suất in khuyến nghị hàng tháng: 750-4.000 trang. |
| 3 | Máy in khổ A3 | <ul style="list-style-type: none"> - Loại máy in: Máy in laser đen trắng đơn năng. - Màn hình LCD trắng đen 5 dòng. - Tốc độ in A4: 43 trang / phút. - Tốc độ in 2 mặt: 21.5 trang/ phút khổ A4. - Tốc độ in A3: 22 trang / phút. - Thời gian làm nóng máy: xấp xỉ 40 giây. - Thời gian in bản đầu tiên: xấp xỉ 6.3 giây. - khay giấy tự động (Cassette): 250 tờ (60 - 120 g/m²). - khay đa năng (Multi-purpose tray): 100 tờ(60 - 199 g/m²). - khay giấy ra: 250 tờ. - Khổ giấy khay tự động (Cassette): A3, A4, A5, B5, B6, Legal, Letter, Executive, Statement, Foolscap, Custom (min. |

| | | |
|---|------------|--|
| | | <p>85 x 148 mm to max. 297 x 431.8 mm).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khổ giấy khay đa năng (Multi-purpose tray): A3, A4, A5, B4, B5, Legal, Letter, Executive, Statement, Foolscap, Postcard, Envelope (COM10, Monarch, DL, C5), Custom (min. 76.2 x 127 mm to max. 312 to 1,200 mm). - Khổ giấy hỗ trợ in 2 mặt: A3, A4, A5, B5, Legal, Letter, Executive, Foolscap (60 - 120 g/m²). - Loại giấy: Plain Paper, Recycled Paper, Label, Postcard, Envelope. - Lề trang: Top/Bottom/Left/Right margin: 5 mm; Top/Bottom/Left/Right margin: 10 mm (Envelope). - Độ phân giải: 600 x 600 dpi. - Chất lượng in với công nghệ làm mịn ảnh: 1200 x 1200 dpi. <p>Bộ nhớ: 2GB.</p> |
| 4 | Máy scan | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu máy: Quét 2 mặt tự động, tích hợp khay quét hộ chiếu, sổ, thẻ nhựa tự động - Đèn quét: CIS x 2 - Khổ giấy: Tối đa: 215.9 x 355.6 mm; Tối thiểu: 50.8 x 50.8 mm; Kéo giấy dài: 5.588 mm - Định lượng giấy: Khay ADF: 40 - 127 g/m². - Khay quét hộ chiếu, sổ dập ghim, thẻ nhựa: Giấy: 20 - 413 g/m²; Thẻ nhựa: 1,4 mm; Hộ chiếu, sổ: 5 mm - Tốc độ quét (A4, quét màu, 300dpi): Một mặt: 40 ppm, Hai mặt: 80 ipm - Khay giấy: 20 tờ (A4 80 g/m²); 30 tờ (A4 52 g/m²) - Công suất: 4500 tờ/ ngày - Chức năng quản lý máy: Đi kèm phần mềm quản lý cấu hình, theo dõi nhiều máy từ xa cùng lúc dưới dạng phần mềm server – client - Định dạng file: Hỗ trợ các định dạng file: Bitmap, TIFF, Multi-TIFF, JPEG, JPEG2000, Searchable PDF, PDF, PDF/A, PNG, RTF, Word, Excel, PowerPoint - Hỗ trợ Index file: XML, CSV, TXT - Nhận dạng chữ viết tay: Phần mềm có khả năng nâng cấp lên nhận dạng chữ viết tay bằng tùy chọn bản phần mềm nâng cao - Chứng chỉ môi trường: ENERGY STAR® và RoHS |
| 5 | Bộ bàn ghế | <ul style="list-style-type: none"> - Bàn: có hộc liền, 1 ngăn kéo và 1 cánh mở, có kệ để CPU và có bàn phím. Chất liệu bàn làm bằng gỗ laminate. Kích thước: Rộng 1200 – sâu 700 – cao 750. Kiểu dáng: bàn chữ nhật - Ghế có khung tựa nhựa bọc lưới chịu lực. Đệm ghế mút bọc vải lưới xốp. Chân nhựa, tay nhựa. Ghế xoay có bánh xe di chuyển, bộ piston khí nén có thể điều chỉnh được độ cao thấp. Kích |

| | | |
|---|---------------------------------------|---|
| | | thước: Rộng 600x Sâu 530 x Cao(870-965) mm |
| 6 | Thiết bị chuyển mạch trung tâm | <ul style="list-style-type: none"> - 20 cổng 10Gb Gigabit copper và 4 cổng copper/SFP+ combo, 1 cổng Gigabit Ethernet - Bộ nhớ DRAM: 1 GB - Bộ nhớ Flash: 512 MB - CPU: ARM dual-core 1.4GHz - Dung lượng chuyển mạch: 480 Gbps - Băng thông chuyển tiếp: 357,14 Mpps - Hỗ trợ quản lý cấu hình: giao diện web, dòng lệnh CLI, quản lý tập trung bằng Business Dashboard - Hỗ trợ bảo mật mạng: Secure Shell (SSH) Protocol, Secure Sockets Layer (SSL), IEEE 802.1X (authenticator role), IEEE 802.1X supplicant, Web-based authentication, STP Bridge Protocol Data Unit (BPDU) Guard, STP Root Guard, STP loopback guard, DHCP snooping, IP Source Guard (IPSG), Dynamic ARP Inspection (DAI), IP/MAC/port binding (IPMB), Secure Core Technology (SCT), Secure Sensitive Data (SSD), Trustworthy systems, Private VLAN, Layer 2 isolation Private VLAN Edge (PVE), ACLs - Tiêu chuẩn: IEEE 802.3 10BASE-T Ethernet, IEEE 802.3u 100BASE-TX Fast Ethernet, IEEE 802.3ab, 1000BASE-T Gigabit Ethernet, IEEE 802.3ad Link Aggregation Control Protocol, IEEE 802.3z Gigabit Ethernet, IEEE 802.3ae 10 Gbps Ethernet over fiber for LAN, IEEE 802.3an 10GBASE-T 10 Gbps Ethernet over copper twisted pair cable, IEEE 802.3x Flow Control, IEEE 802.1D (STP, GARP, and GVRP), IEEE 802.1Q/p VLAN, IEEE 802.1w Rapid STP, IEEE, 802.1s Multiple STP, IEEE 802.1X Port Access Authentication, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at, IEEE 802.1AB Link Layer Discovery Protocol, IEEE 802.3az Energy Efficient Ethernet, RFC 768, RFC 783, RFC 791, RFC 792, RFC 793, RFC 813, RFC 826, RFC 879, RFC 896, RFC - Thiết bị dạng để bàn, có thể gắn tủ rack |
| 7 | Switch thay thế các tầng loại 24 cổng | <ul style="list-style-type: none"> - 24 cổng Gigabit Ethernet RJ-45 và 4 cổng SFP+ - Bộ nhớ DRAM: 1 GB - Bộ nhớ Flash: 512 MB - CPU: ARM dual-core 1.4GHz - Dung lượng chuyển mạch: 128 Gbps - Băng thông chuyển tiếp: 95,23Mpps - Hỗ trợ quản lý cấu hình: giao diện web, dòng lệnh CLI, quản lý tập trung bằng Business Dashboard - Hỗ trợ bảo mật mạng: Secure Shell (SSH) Protocol, Secure Sockets Layer (SSL), IEEE 802.1X (authenticator role), IEEE |

| | | |
|---|---------------------------------------|--|
| | | <p>802.1X supplicant, Web-based authentication, STP Bridge Protocol Data Unit (BPDU) Guard, STP Root Guard, STP loopback guard, DHCP snooping, IP Source Guard (IPSG), Dynamic ARP Inspection (DAI), IP/MAC/port binding (IPMB), Secure Core Technology (SCT), Secure Sensitive Data (SSD), Trustworthy systems, Private VLAN, Layer 2 isolation Private VLAN Edge (PVE), ACLs</p> <p>- Tiêu chuẩn: IEEE 802.3 10BASE-T Ethernet, IEEE 802.3u 100BASE-TX Fast Ethernet, IEEE 802.3ab, 1000BASE-T Gigabit Ethernet, IEEE 802.3ad Link Aggregation Control Protocol, IEEE 802.3z Gigabit Ethernet, IEEE 802.3ae 10 Gbps Ethernet over fiber for LAN, IEEE 802.3an 10GBASE-T 10 Gbps Ethernet over copper twisted pair cable, IEEE 802.3x Flow Control, IEEE 802.1D (STP, GARP, and GVRP), IEEE 802.1Q/p VLAN, IEEE 802.1w Rapid STP, IEEE, 802.1s Multiple STP, IEEE 802.1X Port Access Authentication, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at, IEEE 802.1AB Link Layer Discovery Protocol, IEEE 802.3az Energy Efficient Ethernet, RFC 768, RFC 783, RFC 791, RFC 792, RFC 793, RFC 813, RFC 826, RFC 879, RFC 896, RFC</p> <p>- Thiết bị dạng để bàn, có thể gắn tủ rack</p> |
| 8 | Switch cho mạng loại 16 cổng (Loại 1) | <p>- 16 cổng Gigabit Ethernet RJ-45 và 2 cổng SFP</p> <p>- Bộ nhớ DRAM: 1 GB</p> <p>- Bộ nhớ Flash: 512 MB</p> <p>- CPU: ARM dual-core 1.4GHz</p> <p>- Dung lượng chuyển mạch: 36,0Gbps</p> <p>- Băng thông chuyển tiếp: 26,78Mpps</p> <p>- Hỗ trợ quản lý cấu hình: giao diện web, dòng lệnh CLI, quản lý tập trung bằng Business Dashboard</p> <p>- Hỗ trợ bảo mật mạng: Secure Shell (SSH) Protocol, Secure Sockets Layer (SSL), IEEE 802.1X (authenticator role), IEEE 802.1X supplicant, Web-based authentication, STP Bridge Protocol Data Unit (BPDU) Guard, STP Root Guard, STP loopback guard, DHCP snooping, IP Source Guard (IPSG), Dynamic ARP Inspection (DAI), IP/MAC/port binding (IPMB), Secure Core Technology (SCT), Secure Sensitive Data (SSD), Trustworthy systems, Private VLAN, Layer 2 isolation Private VLAN Edge (PVE), ACLs</p> <p>- Tiêu chuẩn: IEEE 802.3 10BASE-T Ethernet, IEEE 802.3u 100BASE-TX Fast Ethernet, IEEE 802.3ab, 1000BASE-T Gigabit Ethernet, IEEE 802.3ad Link Aggregation Control Protocol, IEEE 802.3z Gigabit Ethernet, IEEE 802.3ae 10 Gbps Ethernet over fiber for LAN, IEEE 802.3an 10GBASE-</p> |

| | | |
|----|---------------------------------------|--|
| | | <p>T 10 Gbps Ethernet over copper twisted pair cable, IEEE 802.3x Flow Control, IEEE 802.1D (STP, GARP, and GVRP), IEEE 802.1Q/p VLAN, IEEE 802.1w Rapid STP, IEEE, 802.1s Multiple STP, IEEE 802.1X Port Access Authentication, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at, IEEE 802.1AB Link Layer Discovery Protocol, IEEE 802.3az Energy Efficient Ethernet, RFC 768, RFC 783, RFC 791, RFC 792, RFC 793, RFC 813, RFC 826, RFC 879, RFC 896, RFC</p> <p>- Thiết bị dạng để bàn, có thể gắn tủ rack</p> |
| 9 | Switch cho mạng loại 16 cổng (Loại 2) | <ul style="list-style-type: none"> - 16 cổng Gigabit Ethernet RJ-45 và 2 cổng SFP - Bộ nhớ DRAM: 1 GB - Bộ nhớ Flash: 512 MB - CPU: ARM dual-core 1.4GHz - Dung lượng chuyển mạch: 36,0Gbps - Băng thông chuyển tiếp: 26,78Mpps - Hỗ trợ quản lý cấu hình: giao diện web, dòng lệnh CLI, quản lý tập trung bằng Business Dashboard - Hỗ trợ bảo mật mạng: IEEE 802.1x, Multidomain authentication, AAA, ACLS, Port-based ACLs, SSH, Kerberos, SNMPv3, SPAN, TACACS+, RADIUS, MAC authentication, Web Authentication, BPDU guard, IP Source Guard, SSHv2, STRG, STP, IGMP, Dynamic VLAN assignment - Tiêu chuẩn: IEEE 802.1D, IEEE 802.1p, IEEE 802.1Q, IEEE 802.1s, IEEE 802.1w, IEEE 802.1X, IEEE 802.1ab, IEEE 802.3ad, IEEE 802.3ah, IEEE 802.3x, IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3ab, IEEE 802.3z, RMON I and II, SNMP v1, v2c, and v3, IEEE 802.3az, IEEE 802.3ae, IEEE 802.1ax - Nguồn adapter 100 to 240 VAC (50/60 Hz) - Thiết bị dạng để bàn |
| 10 | Switch POE loại 16 cổng | <ul style="list-style-type: none"> - 16 cổng Gigabit Ethernet RJ-45 và 2 cổng SFP - Hỗ trợ Poe - Bộ nhớ DRAM: 1 GB - Bộ nhớ Flash: 512 MB - CPU: ARM dual-core 1.4GHz - Dung lượng chuyển mạch: 36,0Gbps - Băng thông chuyển tiếp: 26,78Mpps - Hỗ trợ quản lý cấu hình: giao diện web, dòng lệnh CLI, quản lý tập trung bằng Business Dashboard - Hỗ trợ bảo mật mạng: Secure Shell (SSH) Protocol, Secure Sockets Layer (SSL), IEEE 802.1X (authenticator role), IEEE 802.1X supplicant, Web-based authentication, STP Bridge |

| | | |
|------------------------|-----------------------------|--|
| | | <p>Protocol Data Unit (BPDU) Guard, STP Root Guard, STP loopback guard, DHCP snooping, IP Source Guard (IPSG), Dynamic ARP Inspection (DAI), IP/MAC/port binding (IPMB), Secure Core Technology (SCT), Secure Sensitive Data (SSD), Trustworthy systems, Private VLAN, Layer 2 isolation Private VLAN Edge (PVE), ACLs</p> <p>- Tiêu chuẩn: IEEE 802.3 10BASE-T Ethernet, IEEE 802.3u 100BASE-TX Fast Ethernet, IEEE 802.3ab, 1000BASE-T Gigabit Ethernet, IEEE 802.3ad Link Aggregation Control Protocol, IEEE 802.3z Gigabit Ethernet, IEEE 802.3ae 10 Gbps Ethernet over fiber for LAN, IEEE 802.3an 10GBASE-T 10 Gbps Ethernet over copper twisted pair cable, IEEE 802.3x Flow Control, IEEE 802.1D (STP, GARP, and GVRP), IEEE 802.1Q/p VLAN, IEEE 802.1w Rapid STP, IEEE, 802.1s Multiple STP, IEEE 802.1X Port Access Authentication, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at, IEEE 802.1AB Link Layer Discovery Protocol, IEEE 802.3az Energy Efficient Ethernet, RFC 768, RFC 783, RFC 791, RFC 792, RFC 793, RFC 813, RFC 826, RFC 879, RFC 896, RFC</p> <p>- Thiết bị dạng để bàn, có thể gắn tủ rack</p> |
| 11 | Switch cho mạng loại 8 cổng | <p>- Tốc độ LAN: Gigabit 1000Mbps</p> <p>- Số cổng: 8 Cổng</p> <p>- Cổng kết nối: 8 Cổng Plug-and-play hoạt động đơn giản</p> <p>- Switch quản lý: Unmanaged Switch</p> <p>- Kiểu Switch: Switch Gigabit (1000Mbps)</p> |
| Vật tư phụ kiện | | |
| 12 | Dây mạng cat6 | <p>- Loại cáp: Cat6 – UTP</p> <p>- Tốc độ truyền tối đa: 10Gbps ở khoảng cách 55m</p> <p>- Tiết diện dây: 23AWG ~ 0,57mm²</p> <p>- Chất liệu lõi: Đồng nguyên chất</p> <p>- Chất liệu vỏ: PVC/LSZH</p> <p>- Màu vỏ: Xanh dương</p> <p>- Chiều dài cuộn: 305m (1000ft)</p> |
| 13 | Patch panel 24 cổng | <p>- Thanh đầu nối COMMSCOPE UTP, SL, DDM, 24 cổng, 1U, rộng, thẳng (760237040)</p> <p>- 24 Ổ cắm mạng COMMSCOPE UTP, Cat.6, T568A/T568B, RJ45 (9-1375055-2)</p> |
| 14 | Module quang | <p>- Module quang 10G Base T-R45</p> <p>- Hỗ trợ 10Gbase-T/ 5Gbase-T/2.5Gbase-T/1000base-T on line port</p> <p>- Tốc độ truyền tải 10 Gigabit qua cáp Cat6a khoảng cách tối đa 30m</p> |
| 15 | Hộp đầu mạng | <p>- Vật liệu: Polycarbonate UL 94-V2</p> |

| | | |
|----|---|--|
| | cat6 | <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm rất bền khi sử dụng lâu ngày. - Mạ vàng 18k lớp vỏ kim loại chống nhiễu - Nhiệt độ hoạt động : -400C to 700C - Lớp kim loại chống nhiễu dài 0.3mm - Toàn bộ dây đồng bên trong đều được làm rất dày và thẳng, 100 chiếc/ hộp - Tỷ lệ hạt tốt trong hộp là 100%. |
| 16 | Dây nhảy mạng 3m cat6 | <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài dây: 3m màu xanh - Điện dung: 13.5 pf/ft. ở 1Mhz. - Trở kháng: 100 ohms +/-15%, 1 MHz to 100 MHz. - Dây dẫn: đồng dạng dây mềm – stranded, đường kính lõi 24 AWG. - Vỏ bọc cách điện: Chất làm chậm phát lửa Polyethylene. - Vỏ bọc: PVC, .210 dia. Nom. Không bọc giáp chống nhiễu. - Có chụp bảo vệ (Boot): chất đàn hồi polyolefin. - Đầu làm bằng chất polycarbonate trắng trong. |
| 17 | Dây nhảy mạng 1,5m cat6 | <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài dây: 1,5m màu xanh - Điện dung: 13.5 pf/ft. ở 1Mhz. - Trở kháng: 100 ohms +/-15%, 1 MHz to 100 MHz. - Dây dẫn: đồng dạng dây mềm – stranded, đường kính lõi 24 AWG. - Vỏ bọc cách điện: Chất làm chậm phát lửa Polyethylene. - Vỏ bọc: PVC, .210 dia. Nom. Không bọc giáp chống nhiễu. - Có chụp bảo vệ (Boot): chất đàn hồi polyolefin. - Đầu làm bằng chất polycarbonate trắng trong. |
| 18 | Wallplace RJ45 đôi (2 nhân cat6, mặt đôi) gắn tường | <ul style="list-style-type: none"> - Mặt ổ cắm Chữ nhật, COMMSCOPE 2 cổng - Đế nổi ổ cắm chữ nhật - Ổ cắm mạng COMMSCOPE UTP, Cat.6 |
| 19 | Wallplace RJ45 đơn (1 nhân cat6, mặt đơn) gắn tường | <ul style="list-style-type: none"> - Mặt ổ cắm Chữ nhật, COMMSCOPE 1 cổng - Đế nổi ổ cắm chữ nhật - Ổ cắm mạng COMMSCOPE UTP, Cat.6 |
| 20 | Khay nguồn tập trung 14 slot | <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn gắn rack 19 inch, chiều cao 2U - Có thể cấp nguồn tối đa cho 14 thiết bị chuyển đổi quang điện. Hỗ trợ tính năng Plug-and-play (cắm vào, tháo ra khi đang hoạt động). Có 2 nguồn độc lập: 1 nguồn hoạt động, 1 nguồn dự phòng (nguồn dự phòng hoạt động khi nguồn chính bị lỗi) - Khung nguồn tập trung bao gồm: 1 x khung nguồn tập trung; 2 x dây cấp nguồn và 14 x tai cố định converter quang |
| 21 | Bộ chuyển đổi quang điện | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng Chipset Qualcomm 8334(USA) - Hỗ trợ bước sóng 1310nm |

| | | |
|----|--|--|
| | 10/100/1000M loại 2 sợi quang | <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng cách kết nối: (Multi-mode 0~2 km/ Single-mode 0~20km) - Truyền dẫn đồng thời 2 tín hiệu cáp quang với 2 bước sóng riêng biệt trên 2 sợi quang. One optical port: MM: SC/ST/FC (fiber size: 9, 50, 62.5/125µm) |
| 22 | Ống ruột gà Fi16 | <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: nhựa PVC tự chống cháy - Tính năng co giãn và chịu lực uốn tốt - Đường kính ngoại: 16mm - Chiều dài cuộn: 50m - Màu sắc: Trắng |
| 23 | Ống ruột gà Fi32 | <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: nhựa PVC tự chống cháy - Tính năng co giãn và chịu lực uốn tốt - Đường kính ngoại: 32mm - Chiều dài cuộn: 50m - Màu sắc: Trắng |
| 24 | Tủ mạng 10U | <ul style="list-style-type: none"> - Tủ mạng 10U treo tường - Kích thước tối thiểu W550xH530xD500mm - Tủ sơn tĩnh điện màu đen - Cửa lỗ lưới trước, sau - Chuẩn 19" EIA-310-Đ, DIN 41494, IECARS-310 - Quạt tản nhiệt, ổ khóa - 1 Thanh PDU 6 ổ cắm 3 châu có MCB |
| 25 | Dịch vụ triển khai, lắp đặt, hiệu chỉnh hệ thống | <p>Nội dung các công việc gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dỡ bỏ/ bó gọn các dây mạng, thoại không dùng hiện tại tại tủ kỹ thuật + Bó gọn các lộ dây, bấm đầu nối lại các dây có tín hiệu tại tủ kỹ thuật của toà nhà để dự phòng + Đầu nối wallplace âm tường: "<i>Di chuyển bàn, tủ hiện có, Đầu nối dây mạng vào 3 nhân mạng, Bấm nhân vào mặt, Bấm mặt vào đế và đánh dấu 2 đầu....</i>" + Triển khai kéo dây mạng mới: "<i>Đi dây mạng từ tủ kỹ thuật luôn vào ống ruột gà và treo lên hành lang đến vị trí ống âm tường có sẵn tại các phòng, Luôn dây mạng vào ống âm tường hiện có....</i>" + Tháo tủ cũ và lắp đặt tủ mạng mới 10U treo tường + Lắp đặt và cấu hình Switch Access, distribution tại các tầng: "<i>Lắp đặt switch vào tủ kỹ thuật, Lắp đặt module, Cấu hình switch, phân chia VLAN theo yêu cầu...</i>" + Lắp đặt patch panel và đấu nối dây mạng vào Patch panel tại tủ kỹ thuật + Lắp đặt và chuyển dịch hệ thống camera, HNTH, Internet sang tủ kỹ thuật mới: "<i>Tháo dỡ, lắp đặt lại switch, Tháo dỡ và lắp đặt, bó lại dây tín hiệu, Kiểm tra, thông test lại tín hiệu</i>" |

| | | |
|--|--|---|
| | | <p><i>camera, hội nghị truyền hình, Internet..."</i></p> <p>- Kiểm tra đầu nối hệ thống mạng Đặng Vũ Hỷ, Thượng Thanh: "Kiểm tra tín hiệu mạng các phòng ban, Bó gọn các lộ dây, bấm đầu nối lại các đầu dây có tín hiệu tại tủ kỹ thuật của các toà nhà, Thông test mạng đầu cuối các phòng ban, đảm bảo mỗi phong có 3 nút mạng, Đánh lại số nút mạng đầu cuối có tín hiệu và nút đã cải tạo..."</p> <p>+ Bảo trì bảo dưỡng cột Anten 24m: "<i>Bổ sung thêm khoá cáp, các ecu khoá cáp, ecu ốp dây cọ trên cột, ốc bị hỏng... Đánh rỉ sét, tăng chỉnh lại các dây cọ, siết lại các ốc và các khoá, Bôi mỡ khoá cáp, tăng đơ, Sơn toàn bộ các cột Anten, Vật tư xăng, dầu, giấy ráp, bàn chải..."</i></p> <p>+ Bảo trì bảo dưỡng cột Anten 30m: "<i>Bổ sung thêm khoá cáp, các ecu khoá cáp, ecu ốp dây cọ trên cột, ốc bị hỏng... Đánh rỉ sét, tăng chỉnh lại các dây cọ, siết lại các ốc và các khoá, Bôi mỡ khoá cáp, tăng đơ, Sơn toàn bộ các cột Anten, Vật tư xăng, dầu, giấy ráp, bàn chải..."</i></p> <p>- Vật tư phụ kiện bao gồm: Đinh, vít, nở; Lạt buộc, dây thít; Ti, giá đỡ máng; Vòng đánh số; Dây điện 2x4mm cấp nguồn cho tủ Rack; Bọc đầu mạng</p> |
|--|--|---|

Ghi chú:

Các dấu chấm (.) và dấu phẩy (,) của thông số kỹ thuật trong phạm vi bảng này được hiểu theo thông lệ quốc tế. Trong trường hợp bất kỳ yêu cầu kỹ thuật nào có chỉ dẫn liên quan đến nhãn hiệu hoặc series/part number hoặc ký hiệu/quy định riêng khác (nếu có) kèm theo thì chỉ mang tính chất tham khảo, thực tế có thể lựa chọn các loại hình sản phẩm, giải pháp kỹ thuật có tính năng tương đương hoặc tốt hơn nhưng phải đảm bảo tuân thủ các thông số kỹ thuật tổng quát và các tiêu chuẩn tối thiểu cũng như các quy cách hàng hóa chi tiết đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

Trong trường hợp Nhà thầu cần khảo sát hiện trường để có cơ sở chuẩn bị Hồ sơ dự thầu, Nhà thầu cần đề xuất đến Bên mời thầu bằng văn bản trước thời điểm đóng thầu tối thiểu 03 ngày làm việc. Toàn bộ chi phí khảo sát hiện trường do nhà thầu tự chi trả. Bên mời thầu sẽ cho phép nhà thầu và các bên liên quan của nhà thầu tiếp cận hiện trường để phục vụ mục đích khảo sát hiện trường với điều kiện nhà thầu và các bên liên quan của nhà thầu cam kết rằng Bên mời thầu và các bên liên quan của Bên mời thầu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với nhà thầu và các bên liên quan của nhà thầu liên quan đến việc khảo sát hiện trường này. Nhà thầu và các bên liên quan của nhà thầu sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại về tài sản và bất kỳ các mất mát, thiệt hại và chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường.

1.2.3. Yêu cầu về Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ:

- Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và nhà thầu cam kết đầy đủ các nội dung về hàng hóa đề xuất chào trong E-HSDT đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật sản

xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ sau:

+ Cam kết hàng hóa chào phải có xuất xứ rõ ràng, sản xuất từ năm 2024 trở lại đây, bao gồm: “*Tên hãng sản xuất, Tên nước sản xuất, Tên và mã hiệu (nếu có), năm sản xuất...*” và hàng hóa phải đủ điều kiện chứng tỏ rằng: Tất cả hàng hóa cung cấp đều mới 100%. (*Lưu ý: Mới 100% là những hàng hóa được sản xuất mới, chế tạo mới, chưa qua sử dụng (còn nguyên chai/thùng/hộp/đóng gói/dán tem (nêm phong) của nhà sản xuất)*) và cung cấp đầy đủ các giấy tờ chứng minh xuất xứ và chất lượng sản phẩm (CO, CQ...) theo quy định hiện hành (*không bắt buộc đối với vật tư, phụ kiện lắp đặt kèm theo máy chính và sẽ được chủ đầu tư quy định cụ thể trong hợp đồng*)

+ Đối với hàng hóa là phần mềm: Cam kết phải đảm bảo về bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến phần mềm đề xuất đó. Chủ đầu tư sử dụng dịch vụ toàn quyền sở hữu trí tuệ vô điều kiện đối với sản phẩm, dịch vụ, tài liệu hình thành. Phần mềm phải được đảm bảo cập nhật thường xuyên, tương thích với phần cứng sử dụng và đảm bảo hệ thống mới phải được kiểm tra, kiểm thử vận hành thử nghiệm tích hợp đồng bộ với toàn bộ hệ thống trước khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.

+ Nhà cung cấp hàng hóa/dịch vụ sẵn sàng phối hợp kiểm tra đánh giá ATTT định kỳ, đột suất theo quy định mà chủ đầu tư yêu cầu và cam kết bảo đảm an toàn, bảo mật và tính riêng tư về thông tin, dữ liệu của cơ quan nhà nước; tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thông tin, an toàn cấp độ, an ninh thông tin, cơ yếu và Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước;

- Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT, nhà thầu phải kê khai và đính kèm các tài liệu cùng E-HSDT cũng như đảm bảo tính thống nhất việc kê khai và đề xuất giữa các trường thông tin thuộc các Mẫu/ Biểu Mẫu (đính kèm) được quy định trong E-HSMT cụ thể “*Mẫu số 10B Chương IV và Biểu Mẫu quy định tại Khoản 1.2.1, Mục 1.2, Chương V, E-HSMT*” để chứng minh về Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ của toàn bộ hàng hóa mà nhà thầu chào bằng một trong các cách sau đây:

(1). Đối với những hàng hóa mà Nhà thầu đề xuất chào trong gói thầu mà có “ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, hãng sản xuất” không tồn tại trên thị trường:

- Nhà thầu phải đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất, cấu hình, tính năng kỹ thuật tại **Mẫu số 10B Chương IV, E-HSMT** và đính kèm cùng E-HSDT **Biểu Mẫu quy định tại Khoản 1.2.1, Mục 1.2, Chương V, E-HSMT** cũng như các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ hàng hóa chào là một trong các tài liệu có thể là: “*hồ sơ, catalog sản phẩm, datasheet sản phẩm, hình ảnh sản phẩm, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa*” có xác nhận của

Nhà sản xuất hoặc Hãng tích hợp hoặc đại lý được ủy quyền hoặc Trường hợp tài liệu không phải do Nhà sản xuất/Hãng tích hợp phát hành thì phải có đầy đủ nội dung chứng minh cấu hình, thông số, tính năng kỹ thuật của hàng hóa dự thầu mà nhà thầu đã đề xuất tại **Cột (8) thuộc Mẫu số 10B Chương IV** và kèm theo đường dẫn Website (nếu có) về việc công bố sản phẩm chính thống từ nhà sản xuất hoặc Hãng tích hợp hoặc đại lý được ủy quyền hoặc từ Nhà thầu (*không bắt buộc đối với vật tư, phụ kiện lắp đặt kèm theo hàng hóa chính*) qua đó chứng minh sự đáp ứng tối thiểu cấu hình, thông số, tính năng kỹ thuật yêu cầu tại **Khoản 1.2.2, Mục 1.2, Chương V, E-HSMT** và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại **Chương V, E-HSMT**. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất, cấu hình, tính năng kỹ thuật thì E-HSĐT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá và được kết luận là Không Đạt về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ. Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin kê khai trong **Mẫu số 10B Chương IV** so với **Biểu Mẫu được quy định tại Khoản 1.2.1, Mục 1.2, Chương V, E-HSMT** cũng như các tài liệu khác đính kèm cùng E-HSĐT thì thông tin trong **Biểu Mẫu được quy định tại Khoản 1.2.1, Mục 1.2, Chương V, E-HSMT** là cơ sở để xem xét, đánh giá.

(2). Đối với những hàng hóa mà Nhà thầu đề xuất chào trong gói thầu mà có “ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, hãng sản xuất” tồn tại trên thị trường:

- Nhà thầu phải đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất, cấu hình, tính năng kỹ thuật tại **Mẫu số 10B Chương IV, E-HSMT** và đính kèm các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ hàng hóa chào là một trong các tài liệu có thể là: “*hồ sơ, catalog sản phẩm, datasheet sản phẩm, hình ảnh sản phẩm, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa*” có xác nhận của Nhà sản xuất hoặc Hãng tích hợp hoặc đại lý được ủy quyền hoặc Trường hợp tài liệu không phải do Nhà sản xuất/Hãng tích hợp phát hành thì phải có đầy đủ nội dung chứng minh cấu hình, thông số, tính năng kỹ thuật của hàng hóa dự thầu mà nhà thầu đã đề xuất tại **Cột (8) thuộc Mẫu số 10B Chương IV** và kèm theo đường dẫn Website (nếu có) về việc công bố sản phẩm chính thống từ nhà sản xuất hoặc Hãng tích hợp hoặc đại lý được ủy quyền hoặc từ Nhà thầu (*không bắt buộc đối với vật tư, phụ kiện lắp đặt kèm theo hàng hóa chính*) qua đó chứng minh sự đáp ứng tối thiểu cấu hình, thông số, tính năng kỹ thuật yêu cầu tại **Khoản 1.2.2, Mục 1.2, Chương V, E-HSMT** và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại **Chương V, E-HSMT**. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất, cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản thì E-HSĐT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá (*nhà thầu không được tham chiếu tới các nội dung khác trong E-HSĐT mà phải đề xuất cụ thể tại Mẫu số 10B*

Chương IV) và được kết luận là Không Đạt về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ. Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin kê khai trong **Mẫu số 10B, Chương IV** so với các tài liệu khác đính kèm cùng E-HSĐT thì thông tin trong **Mẫu số 10B, Chương IV, E-HSMT** là cơ sở để xem xét, đánh giá.

1.2.4. Yêu cầu tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, tiến độ, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa/dịch vụ:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và nhà thầu cam kết đáp ứng và đề xuất về tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, tiến độ, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa/dịch vụ để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT cụ thể:

a) Về kế hoạch tổng quan công tác thực hiện gói thầu:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và nhà thầu chuẩn bị đề xuất Kế hoạch công tác tổng quát thực hiện gói thầu theo các nội dung quy định tại Chương này, Kế hoạch công việc bao gồm tất cả nhiệm vụ để thực hiện gói thầu. Mỗi một nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp và rõ ràng bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- + Mục tiêu, phạm vi, quy mô gói thầu;
- + Kế hoạch thực hiện gói thầu;
- + Tiến độ thực hiện gói thầu;
- + Biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa;
- + Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường.

b) Về tiến độ thực hiện gói thầu:

- **Về Địa điểm bàn giao hàng hóa/dịch vụ:** Hàng hóa/dịch vụ được bàn giao tại Cục Cảnh sát giao thông - Số 112 Lê Duẩn, P.Văn Miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội

- **Về Thời gian thực hiện gói thầu:** Nhà thầu nghiên cứu kỹ hồ sơ, nhà thầu phải có Bảng đề xuất về thời gian thực hiện gói thầu (*dưới dạng sơ đồ và thuyết minh*), trong đó phải đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu sau:

+ Phải thể hiện rõ các mốc thời gian, các nội dung công việc chính cần thực hiện cho gói thầu từ lúc bắt đầu – kết thúc, tuy nhiên tổng thời gian thực hiện không vượt quá thời gian ngày giao hàng muộn nhất quy định tại **Mẫu số 01A Chương IV, E-HSMT** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

(Lưu ý: Thời gian thực hiện gói thầu được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ liên quan, nếu có), dịch vụ phi tư vấn, tư vấn. Thời gian thực hiện gói thầu được tính theo số ngày, số tuần, số tháng hoặc số năm, không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, thời gian giám sát tác giá đối với gói thầu tư vấn (nếu có))

+ Tiến độ/Thời gian giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có): Hàng hóa được bàn giao theo kế hoạch, tiến độ cấp vốn, giải ngân vốn của Chủ

đầu tư do đó Tiến độ/thời gian cho việc giao hàng theo hình thức toàn bộ hàng hóa hoặc từng đợt bàn giao hàng hóa (nếu có) sẽ được đàm phán cụ thể tại thời điểm phát sinh cũng như trong giai đoạn ký kết hợp đồng tuy nhiên Tiến độ/thời gian giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại **Mẫu số 01A, Chương IV, E-HSMT** và các hướng dẫn quy định tại **Mẫu số 10A, Chương IV, E-HSMT** và kèm theo cam kết đáp ứng tiến độ thực hiện gói thầu.

c) Về Giải pháp, Biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ/hàng hóa:

- Nhà thầu nghiệm cứu kỹ E-HSMT, nhà thầu phải đề xuất Giải pháp, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ/hàng hóa và phương án chỉ đạo của Ban lãnh đạo nhà thầu đối với các nhân sự huy động (*người thực hiện, người phối hợp (nếu có)*) cũng như máy móc/thiết bị huy động tham gia thực hiện gói thầu (*nếu thấy cần thiết*) trong sơ đồ tổ chức (*dưới dạng sơ đồ và thuyết minh*), phải thể hiện rõ các mốc thời gian từ lúc bắt đầu – kết thúc phù hợp với thời gian mà nhà thầu đã đề xuất về tiến độ thực hiện theo yêu cầu tại **điểm b Mục 1.2.4 Chương V, E-HSMT** nêu trên và đảm bảo các nội dung công việc chính cần thực hiện bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- + Công tác chuẩn bị dịch vụ/hàng hóa;
- + Công tác triển khai, thực hiện dịch vụ/hàng hóa;
- + Công tác bàn giao, nghiệm thu dịch vụ/hàng hóa;
- + Công tác bảo hành dịch vụ/hàng hóa.
- + Công tác kết thúc dịch vụ/hàng hóa;

- Nhà thầu nghiệm cứu kỹ E-HSMT và **Nhà thầu phải tự đề xuất nhân sự huy động** để bảo đảm đáp ứng yêu cầu về giải pháp, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ/hàng hóa của E-HSMT cũng như việc đề xuất nhân sự huy động phải đảm bảo phù hợp về trình độ, về số lượng tối thiểu nhân sự khi tham gia thực hiện các nội dung công việc của gói thầu và phải có Bảng đề xuất cụ thể và được giới thiệu đính kèm trong E-HSDT các tài liệu để chứng minh việc đề xuất đó cụ thể là: Nhà thầu phải kê khai thông tin chi tiết về các nhân sự huy động được đề xuất theo các Mẫu số 06A, Mẫu số 06B và Mẫu số 06C dưới đây hoặc Mẫu tương tự do Nhà thầu đề xuất tuy nhiên phải phù hợp với các trường dữ liệu được Mẫu 06A, Mẫu 06B, Mẫu 06C quy định để chứng minh rằng đơn vị có đầy đủ nhân sự huy động cho các vị trí công việc đề xuất đáp ứng tiến độ thực hiện gói thầu:

(Mẫu số 06A - Nhà thầu đính kèm cùng E-HSDT)

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ HUY ĐỘNG

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự huy động để thực hiện các công việc theo đề xuất giải pháp, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ/hàng hóa của E-HSMT. Nhân sự huy động có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự huy động này để tham gia thực hiện gói thầu. Trường hợp trong quá trình thực hiện gói thầu Chủ đầu tư nghi ngờ về các nhân sự mà

Nhà thầu đề xuất, kê khai, giới thiệu trong E-HSDT, Chủ đầu tư có quyền tạm dừng hợp đồng và tiến hành xác minh thông tin theo quy định hiện hành. Nhà thầu phải phối hợp và cung cấp các tài liệu liên quan đến việc xác minh đó. Nếu nhà thầu có sự không trung thực cho việc đề xuất trước đó thì Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng và không thanh toán bất kỳ các khoản nào cũng như được phép thu hồi toàn bộ các khoản đã thanh toán trước đó, Nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP cũng như phải chịu toàn trách nhiệm trước pháp luật cũng như bồi thường toàn bộ tổn thất liên quan tới các điều khoản hợp đồng đã ký và các yêu cầu khác từ phía Chủ đầu tư;

| STT | Họ và Tên | Vị trí công việc |
|------|--|---|
| 1 | [Nhà thầu giới thiệu và chọn nhân sự huy động từ cơ sở dữ liệu của mình trong HSNL nhà thầu] | [ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu] |
| | | |

(Mẫu số 06B - Nhà thầu đính kèm cùng E-HSDT)

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ HUY ĐỘNG⁽¹⁾

| Thông tin nhân sự | | | | | | Công việc hiện tại | | | | | |
|-------------------|--------------------------------|----------------------------|--------|-----------------------|-------------------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------|---|--|------------------------|
| Stt | Tên | Căn cước công dân/Hộ chiếu | Vị trí | Ngày, tháng, năm sinh | Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn | Tên người sử dụng lao động | Địa chỉ của người sử dụng lao động | Chức danh | Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại | Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự) | Điện thoại/ Fax/ Email |
| 1 | [ghi tên nhân sự huy động ...] | | | | | | | | | | |

Ghi chú: (1) Nhà thầu tự điền Mẫu này và phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

(Mẫu số 06C - Nhà thầu đính kèm cùng E-HSDT)

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN⁽¹⁾

| STT | Tên nhân sự huy động | Từ ngày | Đến ngày | Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan |
|-----|--------------------------------|---------|----------|--|
| 1 | [ghi tên nhân sự huy động ...] | ... | ... | ... |
| ... | ... | | | |

Ghi chú: (1) Nhà thầu tự điền Mẫu này và Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của nhân sự huy động, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Việc đánh giá đề xuất nhân sự huy động của nhà thầu dựa trên cơ sở thông tin kê khai, đề xuất, giới thiệu trong E-HSDT của nhà thầu theo các tài liệu quy định nêu trên là một phần của tiêu chí đánh giá yêu cầu về Giải pháp, Biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ/hàng hóa của nhà thầu tại mục này. Trường hợp nhân sự huy động mà nhà thầu giới thiệu đính kèm trong E-HSDT mà **không có tài liệu chứng minh theo**

quy định kèm theo thì Chủ đầu tư không được cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế và E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá và được kết luận là Không Đạt và được đánh giá là Không Đạt về Giải pháp, Biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ/hàng hóa. Trường hợp nhà thầu cố ý giới thiệu nhân sự huy động không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

d) Về Biện pháp bàn giao, kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa

- Hàng hóa trước khi bàn giao phải được cơ quan chức năng về ATTT, an ninh mạng kiểm tra và dán tem “Đã kiểm tra ATTT, an ninh mạng” trước khi đưa vào sử dụng theo các quy định pháp lệnh chuyên ngành.

- Hàng hóa bàn giao phải được sản xuất theo tiêu chuẩn của Hãng sản xuất và phải phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam khi nghiệm thu đưa vào sử dụng cũng như nêu đầy đủ chi tiết các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu và có gửi kèm theo Catalogue hoặc tài liệu mô tả, giới thiệu sản phẩm hàng hóa của nhà sản xuất...

- Sau khi mọi công tác cung cấp đã hoàn tất và trước khi được chấp nhận lần cuối, nhà thầu phải thực hiện các thử nghiệm (nếu có), kiểm tra tại hiện trường theo đúng yêu cầu quy định trong các yêu cầu kỹ thuật cho từng hạng mục hàng hóa (nếu có).

- Sau khi kiểm tra hồ sơ nghiệm thu và thực tế hàng hóa cung cấp, nếu thấy hàng hóa cung cấp phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành thì hai Bên lập và ký biên bản nghiệm thu.

- Nếu Chủ đầu tư nghiệm thu phát hiện thấy một số khiếm khuyết thì yêu cầu Nhà thầu tiến hành khắc phục, hoàn chỉnh và hẹn ngày nghiệm thu lại. Nhà thầu phải nghiêm chỉnh thực hiện công việc khắc phục các khiếm khuyết trên đúng thời hạn mà chủ đầu tư yêu cầu, mọi chi phí phát sinh nhà thầu tự chi trả.

- Trong trường hợp có những hư hỏng xảy ra, không đảm bảo việc sử dụng theo quy định, Chủ đầu tư có quyền không chấp nhận hàng hóa đó, được giữ lại tiền thanh toán với giá trị tương ứng theo hợp đồng, đến khi hoàn thành khắc phục đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư.

1.2.5. Yêu cầu về mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất về yêu cầu mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT cụ thể:

- Có cam kết về hạn sử dụng của hàng hóa theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất

nhưng tối thiểu tại bảng dưới đây:

| TT | Hàng hóa/dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Thời gian yêu cầu bảo hành hàng hóa/dịch vụ |
|----|--|-------------|----------|---|
| 1 | Máy tính để bàn | Bộ | 51 | 12 tháng |
| 2 | Máy in | Chiếc | 51 | 12 tháng |
| 3 | Máy in khổ A3 | Chiếc | 2 | 12 tháng |
| 4 | Máy scan | Chiếc | 51 | 12 tháng |
| 5 | Bộ bàn ghế | Bộ | 8 | 12 tháng |
| 6 | Thiết bị chuyển mạch trung tâm | Chiếc | 1 | 12 tháng |
| 7 | Switch thay thế các tầng loại 24 cổng | Cái | 10 | 12 tháng |
| 8 | Switch cho mạng loại 16 cổng (Loại 1) | Cái | 20 | 12 tháng |
| 9 | Switch cho mạng loại 16 cổng (Loại 2) | Chiếc | 4 | 12 tháng |
| 10 | Switch POE loại 16 cổng | Cái | 6 | 12 tháng |
| 11 | Switch cho mạng loại 8 cổng | Cái | 8 | 12 tháng |
| 12 | Dây mạng cat6 | Cuộn | 29 | 12 tháng |
| 13 | Patch panel 24 cổng | Bộ | 12 | 12 tháng |
| 14 | Module quang | Chiếc | 12 | 12 tháng |
| 15 | Hộp đầu mạng cat6 | Hộp | 4 | 12 tháng |
| 16 | Dây nhảy mạng 3m cat6 | Cái | 255 | 12 tháng |
| 17 | Dây nhảy mạng 1,5m cat6 | Cái | 171 | 12 tháng |
| 18 | Wallplace RJ45 đôi (2 nhân cat6, mặt đôi) gắn tường | Bộ | 87 | 12 tháng |
| 19 | Wallplace RJ45 đơn (1 nhân cat6, mặt đơn) gắn tường | Bộ | 81 | 12 tháng |
| 20 | Khay nguồn tập trung 14 slot | Cái | 1 | 12 tháng |
| 21 | Bộ chuyển đổi quang điện 10/100/1000M loại 2 sợi quang | Cái | 5 | 12 tháng |
| 22 | Ống ruột gà Fi16 | Cuộn | 25 | 12 tháng |
| 23 | Ống ruột gà Fi32 | Cuộn | 10 | 12 tháng |
| 24 | Tủ mạng 10U | Tủ | 6 | 12 tháng |
| 25 | Dịch vụ triển khai, lắp đặt, hiệu chỉnh hệ thống | Gói | 1 | 12 tháng |

- Có cam kết luôn sẵn sàng bảo trì hàng hóa khi chủ đầu tư có nhu cầu trong các giai đoạn tiếp theo, thời gian bảo trì tối thiểu 12 tháng.

- Có cam kết trong quá trình sử dụng dịch vụ (*trong thời hạn bảo hành*) mà Chủ đầu tư phát hiện hàng hóa bị giảm chất lượng mà trong quá trình nghiệm thu, bàn giao chưa phát hiện xác định không do lỗi của Chủ đầu tư thì Nhà thầu phải khắc phục toàn bộ khối lượng cho Chủ đầu tư bằng lượng dịch vụ hàng hóa mới 100% đạt chất lượng theo E-HSMT. Khi Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu (*qua điện thoại, email*) về việc dịch vụ hàng hóa không đảm bảo chất lượng theo E-HSMT đã chào và Hợp đồng thì trong vòng 24 giờ đồng hồ, Nhà thầu phải bố trí nhân viên có mặt tại

hiện trường để xác nhận và thực hiện bảo hành dịch vụ hàng hóa. Trong vòng 24 giờ tiếp theo từ khi hai bên xác nhận tình trạng hàng hóa do lỗi bên cung cấp, Nhà thầu phải cấp đổi đủ số lượng theo biên bản xác nhận hai bên. Nếu Nhà thầu không cử nhân viên có mặt theo thời gian quy định như trên để xác nhận tình trạng dịch vụ hoặc không thực hiện thay đổi theo đúng quy định trên thì Chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu và Nhà thầu phải bồi thường và chịu trách nhiệm về pháp luật cũng như về kinh phí trước các yêu cầu của chủ đầu tư đưa ra dù có bất lợi với nhà thầu.

1.2.6. Yêu cầu về mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất về mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT cụ thể:

- Có cam kết luôn sẵn sàng dự phòng hàng hóa, vật tư linh kiện (mới 100%) và cung cấp, thay thế hàng hóa, vật tư linh kiện nếu hàng hóa có phát sinh lỗi hư hỏng, giảm chất lượng... trong quá trình chủ đầu tư sử dụng trong vòng 24 giờ.

- Giá vật tư, linh kiện thay thế sẽ được hai bên thương lượng tại thời điểm phát sinh nhu cầu và đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành.

1.2.7. Yêu cầu về Khả năng thích ứng và tác động đối với môi trường:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất về khả năng thích ứng và tác động đối với môi trường để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT cụ thể:

- Có cam kết hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý với điều kiện khí hậu Việt Nam

- Có cam kết hàng hóa được cung cấp không có ảnh hưởng đến môi trường và nếu có ảnh hưởng đến môi trường thì phải đề xuất biện pháp giải quyết hợp lý.

1.2.8. Yêu cầu về Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất về các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT cụ thể:

- Có cam kết thương thảo, ký kết hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư;
- Và cam kết sẽ tiến hành thực hiện hợp đồng ngay sau khi ký kết
- Và cam kết sẽ chấp thuận hoàn toàn các điều kiện thương mại đã được quy định tại **E-ĐKC 22 Chương VII, E-HSMT**
- Và có cam kết giá dự thầu là giá đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí, lệ

phí, chi phí giao hàng tại địa điểm yêu cầu.

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1. Yêu cầu năng lực, kinh nghiệm về thực hiện hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất hàng hóa

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT cụ thể :

- Yêu cầu về tính chất tương tự: là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát cũng như hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm (trùng khớp với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS – Harmonized Commodity Description and Coding System) căn cứ theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính (được Tổng Cục Hải quan đăng tải trên trang thông tin điện tử: <https://www.customs.gov.vn>) được quy định theo bảng sau:

| STT | Hàng hóa/Dịch vụ | Hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 | Hàng hóa thuộc lĩnh vực tổng quát |
|-----|----------------------------|--|--|
| | | Mã HS | Lĩnh vực CNTT |
| 1 | Máy tính để bàn | 8471.xxxx | |
| 2 | Máy in | 8443.xxxx | |
| 3 | Máy in khổ A3 | 8443.xxxx | |
| 4 | Máy scan | 8471.xxxx | |
| 5 | Các hạng mục hàng hóa khác | | Hợp đồng Cung cấp hoặc triển khai dịch vụ hạ tầng kỹ thuật mạng LAN hoặc WAN hoặc tương đồng với hệ thống mạng |

+ Hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự được quy định tại bảng trên có giá trị đáp ứng tối thiểu: **1.830.000.000VND Hoặc**

+ Có các hạng mục hàng hóa tương tự được quy định tại bảng trên đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu như sau:

- Giá trị tối thiểu cho hạng mục mã HS : 961.950.000 VND
- Giá trị tối thiểu cho hạng mục thuộc lĩnh vực CNTT : 868.050.000 VND

- Trường hợp Nhà thầu không phải là nhà sản xuất, nhà thầu phải đính kèm các tài liệu cùng E-HSMT để chứng minh việc kê khai kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự theo yêu cầu tại **Bảng số 01, Khoản 2.1 Mục 2,**

Chương III của E-HSMT bằng một trong các cách sau đây:

+ Đối hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành các tài liệu đính kèm cùng E-HSDT gồm: *Hợp đồng/phụ lục hợp đồng (nếu có), Biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý, Bảng khối lượng công việc kèm theo hợp đồng đã ký kết (nếu có) và Thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật kèm theo bảng sao kê giấy báo của ngân hàng về việc thanh toán theo giá trị hóa đơn;*

+ Đối với hợp đồng tương tự mà nhà thầu chưa hoàn thành (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) các tài liệu đính kèm cùng E-HSDT gồm: *Hợp đồng/phụ lục hợp đồng (nếu có), Biên bản nghiệm thu công việc đã hoàn thành hoặc Biên bản xác nhận của chủ đầu tư về khối lượng hoàn thành và Thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật kèm theo bảng sao kê giấy báo của ngân hàng về việc thanh toán theo giá trị hóa đơn;*

- Trường hợp Nhà thầu là nhà sản xuất, nhà thầu cung cấp tài liệu đáp ứng theo yêu cầu tại **Bảng số 02, Khoản 2.1 Mục 2, Chương III của E-HSMT** và nhà thầu phải đính kèm các tài liệu cùng E-HSDT để chứng minh việc kê khai năng lực sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu: *Phiếu xuất kho và Hóa đơn bán hàng (GTGT) kèm theo bảng sao kê giấy báo của ngân hàng về việc thanh toán theo giá trị hóa đơn đối với hàng hóa tương tự với hàng hóa gói thầu đang xét và phải cung cấp tài liệu chứng minh việc tương tự đó như : “mã HS.xxxx hoặc các tài liệu có pháp lý khác theo chuyên ngành quy định”.*

1.3.2. Yêu cầu khác

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và Cam kết đáp ứng đầy đủ các nội dung sau cũng như sàng sàng chuẩn hóa chi tiết cụ thể trong giai đoạn tiếp theo nếu chủ đầu tư có yêu cầu:

- Yêu cầu về đào tạo:

+ Mục đích đào tạo, hướng dẫn sử dụng cung cấp cho người sử dụng kỹ năng về tri thức cần thiết đảm bảo các cán bộ vận hành của Chủ đầu tư có thể vận hành, quản lý hệ thống.

+ Nội dung đào tạo:

- Giới thiệu quy trình, quy tắc vận hành hệ thống;
- Giới thiệu những lỗi người sử dụng thường gặp trong quá trình vận hành, khai thác hệ thống...;
- Cài đặt, cấu hình hệ thống:
 - Thiết lập các thông số (thời gian kết nối, mức độ an ninh, mức độ truy cập, mức độ thực hiện, nhật ký (Logging));
 - Cấu hình nội dung Log-file (xác định các Log-file, ghi lại các lỗi) (nếu có);
 - Các thông báo lỗi của ứng dụng;

- Bảo vệ file bằng mật khẩu;
 -
 - Hướng dẫn xử lý các thông báo lỗi của hệ thống (các lỗi đơn giản có thể xảy ra trong quá trình vận hành);
- + Nội dung về tài liệu đào tạo và địa điểm đào tạo:
- Tài liệu kế hoạch đào tạo và nội dung tạo phải được chủ đầu tư thông qua và phê duyệt (nếu có);
 - Các tài liệu đào tạo được thiết kế và biên tập bằng ngôn ngữ tiếng Việt bao gồm:
 - Tài liệu hướng dẫn cấu hình phần cứng (nếu có)
 - Tài liệu hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm (nếu có)
 - Các tài liệu, bài giảng phục vụ đào tạo được xây dựng và thiết kế dưới nhiều phương thức định dạng khác nhau nhằm đáp ứng tối đa hiệu quả đào tạo tùy theo kiến thức cần truyền tải cho học viên, bao gồm các thể loại bài giảng chính sau: Tài liệu Word, PDF, bản điện tử, tài liệu bài giảng, hướng dẫn dưới dạng trình bày slide, PowerPoint...

- Yêu cầu dịch vụ triển khai, đào tạo, chuyển giao đưa vào vận hành:

+ Chủ đầu tư luôn đảm bảo môi trường đào tạo (máy chủ cài đặt ứng dụng phục vụ đào tạo, máy trạm thực hành dành cho học viên, hệ thống mạng....) phù hợp với mục đích đào tạo và số lượng học viên tham dự.

+ Nhà thầu đảm bảo và chịu trách nhiệm:

- Trước khi hệ thống được triển khai, nhà cung cấp cung cấp quy trình triển khai, kịch bản kiểm tra/vận hành thử nghiệm và công cụ để kiểm tra hệ thống. Đảm bảo đầy đủ các thủ tục pháp lý liên quan đến việc thi công cung cấp hàng hóa/dịch vụ; và luôn cung cấp phương án thi công, thiết kế chi tiết kèm theo danh mục vật tư, thiết bị được sử dụng để cung cấp dịch vụ làm cơ sở phục vụ công tác giám sát.
- Sau khi hệ thống được hoàn thành lắp đặt, đơn vị cung cấp hàng hóa/dịch vụ cung cấp các thông số đo kiểm (nếu có), cùng các thông tin khác theo yêu cầu;
- Cán bộ đào tạo là những chuyên gia lâu năm giàu kinh nghiệm trong việc đào tạo và chuyển giao công nghệ, có kỹ năng thuyết trình, và triển khai dự án. Số lượng mỗi lớp gồm: 01 Cán bộ chính, 01 trợ giảng (dự phòng) là cán bộ hỗ trợ kỹ thuật (trực tiếp hoặc gián tiếp từ xa). Đảm bảo cung cấp tài liệu đào tạo, văn phòng phẩm cần thiết cho học viên trong suốt quá trình đào tạo;
- Phải có trách nhiệm hỗ trợ vận hành hệ thống; bố trí cán bộ có đủ tiêu

chuẩn làm nhiệm vụ hỗ trợ vận hành hệ thống bảo đảm cho hệ thống hoạt động thông suốt, liên tục; Thiết bị của hệ thống được lắp đặt tại bên chủ đầu tư phải được bảo đảm hoạt động liên tục và ổn định khi có sự cố xảy ra phải có thiết bị dự phòng thay thế trong lúc chờ bảo hành thiết bị.

- Phải có trách nhiệm xử lý kịp thời các sự cố ngay khi tiếp nhận báo cáo, việc tiếp nhận báo cáo phải đảm bảo qua nhiều hình thức như “Thư điện tử, Điện thoại và trực tiếp....”
- Nhà thầu cam kết bảo mật và đảm bảo an toàn thông tin và an toàn dữ liệu của đơn vị khi chuyển đổi dữ liệu.
-

- Quy định về đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình triển khai:

+ Nhà thầu phải tự trang bị các phương tiện bảo hộ cho người lao động để tạo ra điều kiện thuận tiện cho cán bộ của mình, thích ứng với môi trường xung quanh và đảm bảo điều kiện lao động tốt nhất;

+ Nhà thầu cần lập phương án an toàn lao động để đảm bảo an toàn lao động và thiết bị trong suốt quá trình thi công, khi thi công trong phòng có thiết bị thông tin đang khai thác cần có các phương án đảm bảo tuyệt đối không làm ảnh hưởng đến sự cố cho hệ thống thông tin.

+ Các nhân sự được huy động để thực hiện các công việc cho gói thầu đến làm việc với chủ đầu tư phải có hợp đồng lao động hoặc thuê khoán với Công ty, (nếu có) phải tuân thủ nghiêm ngặt các nội quy, quy định về an ninh an toàn khi vào cơ quan của Chủ đầu tư để giao dịch và cung cấp dịch vụ/hàng hóa.

+ Máy móc thiết bị (nếu có) được huy động trong quá trình triển khai hợp đồng Nhà thầu phải đảm bảo các tài liệu chứng minh cho việc huy động đó khi Chủ đầu tư yêu cầu (nếu có). Nếu nhà thầu có sự không trung thực cho việc kê khai cũng như việc đề xuất máy móc thiết bị huy động thi công thì Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng và không thanh toán bất kỳ các khoản nào cũng như được phép thu hồi toàn bộ các khoản đã thanh toán trước đó, Nhà thầu phải chịu toàn trách nhiệm trước pháp luật cũng như bồi thường toàn bộ tổn thất liên quan tới các điều khoản hợp đồng đã ký và các yêu cầu khác từ phía Chủ đầu tư.

+ Các thiết bị điện di động, máy điện thoại cầm tay và đèn điện xách tay khi nối vào lưới điện phải qua ổ cắm, phích cắm hoặc cầu dao điện. Việc đấu, nối phải thỏa mãn các yêu cầu về kỹ thuật an toàn điện.

Mục 2. Bản vẽ

- Không yêu cầu

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Đại diện Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn giám sát (nếu có) có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa theo quy trình để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của E-HSMT và hồ sơ thiết kế (nếu có) kèm theo.

- Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm:

+ Thời gian, địa điểm: Do Đại diện Chủ đầu tư quyết định;

+ Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Kiểm tra về số lượng, chủng loại hàng hóa;
- Thông số thiết bị;
- Ký mã hiệu, nhãn mác;
- Xuất xứ;
- Tình trạng hàng hóa;
- Phụ kiện kèm theo thiết bị (nếu có);
- Các yêu cầu khác (nếu có);
- Thử nghiệm: Theo quy định hiện hành;
- Chi phí kiểm tra, thử nghiệm: Do nhà thầu tự chi trả.

Ngoài ra Sẽ được quy định chi tiết hơn nữa trong giai đoạn tiếp theo và đảm bảo các quy định hiện hành về quy định, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm.

- Kiểm tra thông số so với các yêu cầu của HSMT và bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Khi nghiệm thu, trường hợp hàng không đảm bảo các yêu cầu trên thì Hội đồng nghiệm thu sẽ lập biên bản trả hàng hóa đó lại cho Nhà thầu và nhà thầu phải chịu mọi chi phí phát sinh. Việc cung cấp hàng hoá không đảm bảo theo yêu cầu hợp đồng quá 02 (hai) lần thì chủ đầu tư sẽ huỷ hợp đồng và thanh lý hợp đồng, nhà thầu sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm đền bù thiệt hại hợp đồng.

- Chủ đầu tư có quyền tiến hành các kiểm tra bổ sung. Nếu có kết quả không đúng theo E-HSMT thì chi phí kiểm tra bổ sung nhà thầu phải chịu, cũng như mọi chi phí sửa chữa cho tới khi hoàn chỉnh.